

Số: 64 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP; Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính (gọi tắt CCHC) nhà nước giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ đã đề ra và 3 khâu đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI: “Đảm bảo xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của tỉnh trong thời kỳ mới”. Thực hiện thắng lợi khâu đột phá về: “Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển” theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020.

b) Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính trên tất cả 6 nhiệm vụ và 3 trọng tâm cải cách hành chính của giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030 là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo giảm thành phần hồ sơ, giảm thời gian xử lý, giảm chi phí thực hiện; tinh giản bộ máy, biên chế; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chất lượng dịch vụ công; lấy người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân làm thước đo thành công của cải cách hành chính.



c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước; tập trung thực hiện hoàn thành việc xây dựng Chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả điện tử cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cấp xã.

d) Phần đầu đạt chỉ số CCHC của tỉnh hàng năm ở mức từ thứ hạng 20 trở lên, so với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo đảm các quy định pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng được nâng cao, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Thủ tục hành chính (TTHC) được rà soát, công bố công khai, minh bạch, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; tổ chức giải quyết TTHC đúng quy định, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức; phần đầu đến năm 2020 cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đầy đủ 100% tại các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cơ sở theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 80% vào năm 2020 và ít nhất 90% vào năm 2030.

c) Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương được xác định rõ ràng, thực hiện thông suốt, không chồng chéo, trùng lặp hay bỏ sót nhiệm vụ.

d) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) theo vị trí việc làm có cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, đảm đương và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; hoạt động của CB, CC, VC được kiểm soát, đánh giá đúng thực chất. Phần đầu đến năm 2020 có 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm; 100% cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn theo quy định.

đ) Tiếp tục nghiên cứu thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020 và ít nhất 90% vào năm 2030.

e) Hoàn thành việc xây dựng, triển khai mô hình “Chính quyền điện tử” trên quy mô của tỉnh; 100% CB, CC, VC sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi văn bản; 90% các văn bản, tài liệu chính thức được trao đổi trên môi trường mạng và có ứng dụng chữ ký số; 100% các cơ quan hành chính từ cấp xã trở lên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; các cuộc họp được tổ chức trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) được thực hiện đầy đủ theo chỉ đạo và yêu cầu nhiệm vụ; 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng trang thiết bị hiện đại, đồng bộ

được kết nối liên thông, sử dụng phần mềm tác nghiệp, xử lý công việc thống nhất tạo môi trường giao dịch thuận tiện cho công dân và doanh nghiệp; 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện và trên 70% đơn vị hành chính cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 100% TTHC cấp tỉnh, cấp huyện và 70% TTHC cấp xã được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020

1.1. Cải cách thể chế

a) Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi.

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương.

d) Nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành.

1.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công bố kịp thời, đúng quy định TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh, công khai đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các TTHC rườm rà, gây phiền hà cho tổ chức và cá nhân; hoàn thiện các TTHC mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho người dân, tạo môi trường và hành lang pháp lý thông thoáng cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

c) Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phân bổ ngân sách; cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư nước ngoài; xuất nhập khẩu; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép xây dựng và cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất...

d) Định kỳ tổ chức khảo sát, điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các thủ tục hành chính, để có kế hoạch chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế.

1.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả trên cơ sở các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Cải cách chế độ công vụ, công chức gắn với việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, phù hợp với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nhằm xây dựng một nền công vụ “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”.

c) Triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ. Rà soát, phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập. Tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu, chuyển đổi mô hình các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình doanh nghiệp.

d) Tổ chức triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016) sau khi Trung ương ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn (liên quan đến tổ chức, bộ máy Ủy ban nhân dân các cấp và số lượng Phó Chủ tịch và thành viên Ủy ban nhân dân).

1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tiến hành điều tra, đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức, quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ CB, CC, VC. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức để từng bước chuyển sang quản lý cán bộ, công chức bằng phần mềm điện tử ở các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Thực hiện chế độ tuyển dụng cạnh tranh, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp vị trí việc làm và trình độ, năng lực của công chức, viên chức trúng tuyển, cơ chế thi tuyển phải bảo đảm tính dân chủ, công khai, chọn đúng người, đủ tiêu chuẩn vào bộ máy nhà nước. Nhân rộng mô hình bổ nhiệm công chức, viên chức thông qua hình thức thi tuyển đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

c) Đánh giá CB, CC, VC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mạnh dạn đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức không đủ năng lực, trình độ, những người vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tạo điều kiện đổi mới, trẻ hóa, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức.

d) Đến năm 2020, đội ngũ CB, CC, VC cấp huyện trở lên có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân. Từ nay đến năm 2020, phấn đấu 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

1.5. Cải cách tài chính công

a) Bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính của khu vực công. Chuyển đổi mô hình và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng giảm dần việc hỗ trợ từ ngân sách cho các nhiệm vụ mà doanh nghiệp, xã hội có thể đảm đương được.

b) Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập. Đến năm 2020, trên 80% các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi cơ chế.

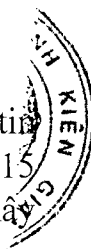
c) Đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công theo chủ trương của Trung ương trên các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao... Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, từng bước tăng thu từ hoạt động sự nghiệp, giảm chi từ ngân sách nhà nước.

1.6. Hiện đại hóa hành chính

a) Chỉ đạo thực hiện đồng bộ giữa CCHC với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh. Thực hiện hoàn thành việc xây dựng, triển khai mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang vào năm 2020.

b) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) đảm bảo kết nối thông tin giữa các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh được thông suốt, an toàn, bảo mật; trang bị phương tiện, máy móc, thiết bị CNTT đảm bảo việc ứng dụng vào các hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước. Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nhằm cung cấp kịp thời thông tin, thủ tục hành chính và các dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

c) Triển khai các phần mềm quản lý chuyên ngành thông suốt theo hệ thống từ tỉnh tới cơ sở, phấn đấu đến năm 2020 xây dựng hoàn chỉnh môi trường làm việc, trao đổi và tác nghiệp trực tuyến qua mạng máy tính trong tất cả các cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử của địa phương đạt mức khá; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 45% và mức độ 4 đạt 25% trên diện rộng; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử trong công việc đạt 100%; tỷ lệ văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới



dạng điện tử tại cấp huyện đạt 100% và cấp xã đạt 90%; tỷ lệ các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai hệ thống phần mềm một cửa điện tử đạt 100%, tại cấp xã đạt tỷ lệ 70%.

d) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động trong các cơ quan nhà nước, phấn đấu đến năm 2020 có 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện và trên 70% đơn vị hành chính cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; các TTHC áp dụng phần mềm Một cửa điện tử phải kết hợp với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO (ISO điện tử).

đ) Triển khai hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đến năm 2020 cấp tỉnh đạt 70% (hiện nay 41,17%); cấp huyện đạt 100% (hiện nay 80%); cấp xã đạt 70% (hiện nay 42,75%) theo tiêu chí tại Công văn số 25/UBND-KTTH ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí diện tích làm việc và trang thiết bị cho Tổ một cửa của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Định hướng cải cách hành chính đến năm 2030

2.1. 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được thực hiện liên thông; có ít nhất 70% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tối thiểu 50% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến ở mức độ 4; 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và huyện quản lý CB, CC, VC bằng phần mềm điện tử; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã được triển khai phần mềm một cửa điện tử liên thông giữa cấp xã với cấp huyện.

2.2. 100% các sự nghiệp dịch vụ công được thực hiện xã hội hóa theo chủ trương của Trung ương; 100% các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi cơ chế.

2.3. 100% đơn vị hành chính cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 100% các TTHC của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được áp dụng phần mềm Một cửa điện tử kết hợp với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO (ISO điện tử). Đầu tư xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đảm bảo yêu cầu theo tiêu chuẩn quy định đạt 100%.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và của Nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHC, xem công tác CCHC thực sự là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là khâu đột phá của tỉnh. Từng cấp, từng ngành rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC giai đoạn I (2011-2015)

chưa đạt được để đưa vào thực hiện giai đoạn II (2016-2020) nhằm đạt mục tiêu cả giai đoạn 2011-2020.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CB, CC, VC đối với công tác CCHC, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, vai trò trực tiếp chỉ đạo của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua khen thưởng để nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CB, CC, VC trong thực thi công vụ.

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của CB, CC, VC.

Biên soạn, phát hành in ấn các văn bản, tài liệu liên quan đến CCHC để phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân.

Phát huy vai trò tích cực của báo chí, các cá nhân, tổ chức trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực và tiêu cực của các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ CCHC.

4. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, đặc biệt là các TTHC liên quan đến cá nhân, doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả hệ thống Một cửa điện tử cấp huyện, đảm bảo quy trình làm việc thông suốt, tổng thể, có liên kết chặt chẽ trên hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC.

5. Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện CCHC của tỉnh trong giai đoạn. Huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

6. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thu nhập tăng thêm để tạo động lực thực sự cho CB, CC, VC trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ có chất lượng và hiệu quả.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP; Kế hoạch này đến toàn thể CB, CC, VC thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Căn cứ kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện. Đồng thời lập dự toán ngân sách thực hiện CCHC hàng năm và dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch 5 năm, hàng năm gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, cân đối ngân sách cho triển khai kế hoạch CCHC và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch CCHC đã đề ra. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

2. Các sở, cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về CCHC của tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch đã được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện.

3. Sở Nội vụ

a) Cơ quan thường trực CCHC tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình, kế hoạch CCHC của Chính phủ và của tỉnh. Định kỳ sơ kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ở các cấp, các ngành, báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ về công tác CCHC theo quy định.

b) Chủ trì, triển khai thực hiện tốt các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ, công chức, triển khai thực hiện xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CC, VC. Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức khảo sát, thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với các dịch vụ hành chính công do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện và dịch vụ công về lĩnh vực y tế, giáo dục.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC và dự toán ngân sách hàng năm; thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, đột xuất theo quy định.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho công chức chuyên trách thực hiện công tác CCHC các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền về CCHC; nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về CCHC.

g) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự án Tin học hóa công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn đến 2020, định hướng đến năm 2030.

4. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tham mưu, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thể chế; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Chủ trì thực hiện nội dung về cải cách TTHC; chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực thi TTHC; hướng dẫn việc rà soát TTHC và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả rà soát, đơn giản hóa các TTHC; phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra việc chấp hành quyết định công bố TTHC.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan xây dựng đề án giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về công tác cải cách tài chính công. Có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm đảm bảo theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách cho các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch về CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp đẩy mạnh chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI); đẩy mạnh việc thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phục vụ đầu tư các công trình trọng điểm trong tỉnh.

b) Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tiếp nhận, xử lý những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền.

c) Xây dựng kế hoạch sửa chữa, xây dựng trụ sở làm việc cấp xã gắn với việc bố trí Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới thông tin khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 được triển khai trong các cơ quan hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai đề án Chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo tinh thần Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Xây dựng đề án áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 đối với cấp xã giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tham mưu thực hiện nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, hoàn thiện các hạng mục xây dựng Chính quyền điện tử.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

c) Xây dựng đề án Chính quyền điện tử giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2030.

9. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công trong ngành y tế, giáo dục; thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, dịch vụ giáo dục công.

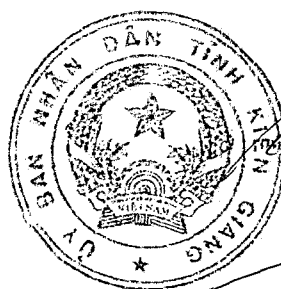
10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kiên Giang tiếp tục duy trì các chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai, quán triệt thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cơ quan đại diện phía Nam - Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Nội vụ (03b);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, vttrinh (01b).

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng